CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ AN PHÚ
Số: 01/2026/QĐ-BP.AP

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Ngày 02 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: ban hành Quy định biểu phí giá dịch vụ thẩm định giá của Công ty Cổ Phần Thẩm định giá AN PHÚ

– Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19/06/2023.

– Căn cứ nhu cầu công việc của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này **"Bảng giá dịch vụ thẩm định giá của Công ty Cổ Phần Thẩm định giá AN PHÚ"** áp dụng cho các Cơ quan, tổ chức, các nhân có nhu cầu thuê Công ty thực hiện việc thẩm định giá tài sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi có văn bản khác thay thế. Lãnh đạo, nhân viên các phòng ban Công ty, các Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các Cơ quan, tổ chức các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
– Như Điều 2;
– Lưu: VP.

CÔNG TY CP THẨM ĐỊNH GIÁ AN PHÚ
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0305837635 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ AN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN AN DUY



PHỤ LỤC 01

QUY ĐỊNH MỨC THU TIỀN DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ CÂY THANH LÝ

(Kèm theo quyết định số : 01/2026/ QĐ-BP.AP ngày 02 tháng 01 năm 2026 Của Công ty Cổ phần Thẩm Định giá An Phú)

STT	Giá trị tài sản thẩm định (Đồng)		Mức phí dịch vụ Thẩm định giá (Đồng)	
	Từ	Đến dưới	Thẩm định giá lần đầu	Thẩm định giá từ lần 2 trở đi
1	<100.000.000		6.000.000	80% * Mức phí dịch vụ thẩm định giá lần đầu
2	100.000.000	150.000.000	6.800.000	
3	150.000.000	200.000.000	7.600.000	
4	200.000.000	250.000.000	8.400.000	
5	250.000.000	300.000.000	9.100.000	
6	300.000.000	350.000.000	9.900.000	
7	350.000.000	400.000.000	10.700.000	
8	400.000.000	450.000.000	11.400.000	
9	450.000.000	500.000.000	12.200.000	
10	500.000.000	600.000.000	13.600.000	
11	600.000.000	700.000.000	15.100.000	
12	700.000.000	800.000.000	16.500.000	
13	800.000.000	900.000.000	17.900.000	
14	900.000.000	1.000.000.000	19.400.000	
15	1.000.000.000	1.200.000.000	22.100.000	
16	1.200.000.000	1.400.000.000	1,843%	
17	1.400.000.000	1.600.000.000	1,776%	
18	1.600.000.000	1.800.000.000	1,726%	
19	1.800.000.000	2.000.000.000	1,687%	
20	2.000.000.000	2.500.000.000	1,656%	70% * Mức phí dịch vụ thẩm định giá lần đầu
21	2.500.000.000	3.000.000.000	1,509%	
22	3.000.000.000	3.500.000.000	1,467%	
23	3.500.000.000	4.000.000.000	1,436%	50% * Mức phí dịch vụ thẩm định giá lần đầu
24	4.000.000.000	4.500.000.000	1,414%	
25	4.500.000.000	5.000.000.000	1,396%	
26	5.000.000.000	6.000.000.000	1,381%	
27	6.000.000.000	7.000.000.000	1,308%	
28	7.000.000.000	8.000.000.000	1,256%	
29	8.000.000.000	9.000.000.000	1,216%	
30	9.000.000.000	10.000.000.000	1,186%	
31	10.000.000.000	11.000.000.000	125.400.000	
32	11.000.000.000	12.000.000.000	135.432.000	
33	12.000.000.000	13.000.000.000	144.248.000	
34	13.000.000.000	14.000.000.000	153.216.000	
35	14.000.000.000	15.000.000.000	163.305.000	
36	15.000.000.000	16.000.000.000	173.280.000	
37	16.000.000.000	17.000.000.000	181.849.000	
38	17.000.000.000	18.000.000.000	191.862.000	
39	18.000.000.000	19.000.000.000	202.160.000	
40	19.000.000.000	20.000.000.000	212.420.000	
41	**Trên 20.000.000.000 đồng**		**Thỏa thuận**	

GHI CHÚ

- Mức phí trên chưa bao gồm thuế VAT
- Đối với mức tài sản có giá trị > 20.000.000.000 đồng thì mức thu phí sẽ theo thỏa thuận.